

TCTY CN XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CP XI MĂNG
VICEM HOÀNG MAI

Số: **101903**XMHM-TCKT

V/v: Công bố thông tin báo cáo tài
chính Quý III năm 2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hoàng Mai, ngày **19** tháng **10** năm 2017

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Công ty: Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai
2. Mã chứng khoán: HOM
3. Địa chỉ trụ sở chính: Khối 7, Phường Quỳnh Thiện, Thị xã Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An
4. Điện thoại: (02383) 866 170 Fax: (02383) 866 648
5. Người thực hiện công bố thông tin: Bà Đậu Thị Nga – Kế toán trưởng
6. Nội dung của thông tin công bố:

6.1 Báo cáo tài chính Quý III năm 2017 của Công ty cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai được lập ngày 18/10/2017 bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính.

6.2 Nội dung giải trình (chênh lệch trên 10% LNTT so với cùng kỳ năm 2016)



GIẢI TRÌNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ III NĂM 2017
SO VỚI QUÝ III NĂM 2016

A. BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT QUÝ III NĂM 2017

Của Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai được lập ngày 18 tháng 10 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

MẪU SỐ B 01a - DN

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/09/2017	01/01/2017
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		710.265.384.449	570.280.760.700
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	26.365.263.113	97.378.206.645
1.	Tiền	111		26.365.263.113	64.378.206.645
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	33.000.000.000
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	71.000.000.000
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	71.000.000.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		408.060.764.292	193.860.051.030
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	405.617.419.348	185.077.025.879
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.718.458.529	11.046.100.824
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	6	2.850.849.206	2.871.770.219
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	7	(5.125.962.791)	(5.134.845.892)
IV.	Hàng tồn kho	140	8	258.227.160.864	201.807.468.221
1.	Hàng tồn kho	141		259.534.631.383	203.133.535.244
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(1.307.470.519)	(1.326.067.023)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		17.612.196.180	6.235.034.804
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	17.612.196.180	3.222.270.775
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152	10	-	3.012.764.029
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	10	-	-
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.152.377.628.860	1.184.005.838.646
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		1.061.401.801	974.383.235
6.	Phải thu dài hạn khác	216		1.061.401.801	974.383.235
II.	Tài sản cố định	220		887.601.137.327	969.016.336.613
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	11	886.851.045.677	968.047.061.042
	- Nguyên giá	222		2.849.755.198.998	2.835.179.808.140
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.962.904.153.321)	(1.867.132.747.098)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	12	750.091.650	969.275.571
	- Nguyên giá	228		2.168.923.370	2.168.923.370
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.418.831.720)	(1.199.647.799)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		97.023.689.241	39.592.835.321
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	97.023.689.241	39.592.835.321
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		166.691.400.491	174.422.283.477
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	9	38.662.860.712	46.393.743.698
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	8	128.028.539.779	128.028.539.779
Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)		270		1.862.643.013.309	1.754.286.599.346

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

MẪU SỐ B 01a - DN

Đơn vị tính: VND

C - NỢ PHẢI TRẢ	300		941.847.437.621	793.078.384.568
I. Nợ ngắn hạn	310		908.924.069.621	759.440.420.840
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	266.140.324.833	200.859.218.327
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		258.733.480	8.605.999.285
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	53.779.401.959	23.302.550.120
4. Phải trả người lao động	314		13.130.911.364	39.341.839.410
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	20.706.351.123	14.740.770.953
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	39.028.965.091	22.464.252.696
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	502.622.487.123	441.366.293.736
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	21	-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		13.256.894.648	8.759.496.313
II. Nợ dài hạn	330		32.923.368.000	33.637.963.728
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	-	4.183.617.870
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	20	31.861.966.199	28.785.534.457
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	21	1.061.401.801	668.811.401
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		920.795.575.688	961.208.214.778
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	920.795.575.688	961.208.214.778
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		720.000.000.000	720.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		720.000.000.000	720.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		19.138.086.811	19.138.086.811
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(28.199.462.462)	(28.199.462.462)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		208.210.192.057	196.822.894.943
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.646.759.282	53.446.695.486
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		132.958.372	1.274.681.333
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.513.800.910	52.172.014.153
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	440		1.862.643.013.309	1.754.286.599.346

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07 đến ngày 30/09/2017

	CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Quý 3 Năm 2017	Quý 3 Năm 2016	9 tháng đầu năm 2017	9 tháng đầu năm 2016
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	340.351.550.709	351.781.090.463	1.026.739.960.297	1.229.628.971.541
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3.	Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV (10= 01-02)	10		340.351.550.709	351.781.090.463	1.026.739.960.297	1.229.628.971.541
4.	Giá vốn hàng bán	11	21	294.817.810.372	286.024.754.799	890.660.527.838	1.029.560.585.745
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV (20=10 - 11)	20		45.533.740.337	65.756.335.664	136.079.432.459	200.068.385.796
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	9.164.198	35.891.544	806.095.720	1.358.972.094
7.	Chi phí tài chính	22	23	6.265.007.397	5.428.321.780	18.473.006.361	19.461.969.215
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.265.007.397	5.400.367.688	18.387.015.428	19.405.690.297
8.	Chi phí bán hàng	25		19.000.136.272	24.257.578.698	55.764.799.220	68.435.322.754
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		18.792.388.955	23.872.267.211	57.950.784.491	70.524.202.986
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		1.485.371.911	12.234.059.519	4.696.938.107	43.005.862.935
11.	Thu nhập khác	31	24	57.508.062	205.511.347	548.185.964	659.003.411
12.	Chi phí khác	32	25	3.997.596	147.107.785	265.934.795	167.476.358
13.	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		53.510.466	58.403.562	282.251.169	491.527.053
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.538.882.377	12.292.463.081	4.979.189.276	43.497.389.988
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	-	742.834.375	388.956.624	2.905.701.534
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	26	1.036.561.148	1.050.487.242	3.076.431.742	3.087.704.814
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		502.321.229	10.499.141.464	1.513.800.910	37.503.983.640
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		7	110	22	394

B. GIẢI TRÌNH

Theo thông tin công bố, doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ Quý III năm 2017 của Công ty đạt 340 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế Quý III năm 2017 của Công ty lãi 1,5 tỷ đồng, giảm 10,7 tỷ đồng so với thực hiện cùng kỳ năm 2016 (LNTT Quý III năm 2016 là 12,3 tỷ đồng) tương ứng với giảm 87%, chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- Nguồn cung Clinker, xi măng tăng do các dây chuyền mới trên địa bàn chính của Công ty đi vào hoạt động làm thị phần tiêu thụ xi măng của Công ty giảm. Trước áp lực cung vượt cầu và sự cạnh tranh với nhiều thương hiệu mới tham gia vào thị trường, giá bán sản phẩm thu về của một số sản phẩm như xi măng rời PCB40 công nghiệp, xi măng bao PCB30, xi măng bao PCB40 giảm, làm lợi nhuận giảm 9 tỷ đồng.

- Sản lượng Clinker sản xuất giảm 37.000 tấn, tương ứng giảm 10,7% so với quý III/2016, lợi nhuận giảm 3,3 tỷ đồng

- Tiêu hao phụ gia cho sản xuất xi măng PCB40 giảm 2,7%, lợi nhuận giảm 1,8 tỷ đồng.

Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai kính báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội được biết và công bố thông tin theo quy định.

Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ BCTC: <http://www.ximanghoangmai.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, TGD (để b/c);
- Lưu: VT, TCKT.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT
KẾ TOÁN TRƯỞNG**



Đậu Thị Nga